TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**
Bản án số: 05/2023/HNGĐ–ST Ngày: 12 -6 -2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thị

Ông Lê Văn Nhưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh HT tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thăng Long, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Văn G

Sinh ngày: 06 tháng 10 năm 1984

Địa chỉ: Xóm 4, xã NT, huyện NL, tỉnh NA

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Đ

Sinh ngày: 01 tháng 10 năm 1990

Địa chỉ: Thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Văn G trình bày: Anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Đ

được tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã NT, huyện NL, tỉnh NA ngày 01 tháng 11 năm 2010. Sau khi vợ chồng chung sống hạnh P được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù được gia đình, người quen hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2014 thì chị Đ đưa con trai thứ 3 về nhà ngoại ở thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Cho đến nay, giữa anh G và chị Đ không còn tình cảm vợ chồng. Anh G đã tìm hiểu từ gia đình chị Đ và được biết hiện chị Đ đưa con đi làm ăn, nhưng không biết địa chỉ cụ thể của chị Đ. Anh G đã cố gắng liên hệ nhưng ngoài địa chỉ nơi cư trú tại thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT thì anh không biết chị Đ hiện nay ở đâu.

Anh G nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Đ có 03 con chung là cháu: Lê Văn Hồng P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011; Lê Văn H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Văn H T, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013

Từ khi ly thân cháu P và cháu H ở với anh G, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Lê Văn H T do chị Đ nuôi dưỡng. Hiện nay anh G có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn Hồng P và Lê Văn H, còn giao cháu Lê Văn H T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G và chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Nghề nghiệp của anh G làm tự do, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, từ trước đến nay anh G đều đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho các con.

Về tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án phân chia

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, anh Lê Văn G đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh G và chị Đ; bản sao giấy khai sinh con chung Lê Văn H T, Lê Văn Hồng P, Lê Văn H; đơn nguyện vọng của con chung; (Lê Văn Hồng P, Lê Văn H); giấy xin xác nhận; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bản tự khai, đơn đề nghị đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh HT đã có mặt tại nhà bố mẹ đẻ của chị Đ là ông Nguyễn Văn B thuộc thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT, cũng là nơi cư trú cuối cùng của chị Đ trước khi đi vắng để tống đạt thông báo thụ lý. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn B, chị Đ và anh Lê Văn G kết hôn năm 2010 và có với nhau 03 người con, tuy nhiên vào thời điểm con trai thứ 3 của anh

chị được khoảng 6 tháng thì chị Đ và anh G có mâu thuẫn nên chị đưa con thứ 3 về sinh sống tại nhà ông B. Hiện nay chị Đ cùng con trai là cháu Lê Văn H T đã vào sinh sống tại Đồng Nai, tuy nhiên ông B không biết được địa chỉ cụ thể của chị Đ. Sau khi xét thấy, việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh HT đã Quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh VOV ba lần trong 03 ngày liên tiếp để thông tin cho chị Nguyễn Thị Đ nội dung vụ án thời gian cụ thể có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, chị Đ không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của chị.

Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh HT tiến hành lập biên bản xác minh sự việc tại thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT, Báo Công lý 03 số 29, 30, 31 năm 2023 thể hiện việc đăng tin thông báo đến chị Đ, hóa đơn giá trị gia tăng.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo

Đề nghị HĐXX:

- Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn G. Anh Lê Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Văn Hồng P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011 và Lê Văn H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 cho anh Lê Văn G và giao con chung Lê Văn H T, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu tại thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT. Chính quyền địa phương cũng như bố đẻ của chị Đ xác nhận chị Đ có nơi đăng ký thường trú tại thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT, tuy nhiên hiện không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết hiện nay đại chỉ cụ thể của chị Đ ở đâu, do đó xác định: Thôn CL, xã KC, huyện K, tỉnh HT là nơi cư trú cuối cùng của chị Đ. Nguyên đơn Lê Văn G cũng không biết nơi cư trú, làm việc của chị Đ, do đó anh G có quyền lựa chọn Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh HT là Tòa án nơi cư trú cuối cùng của chị Đ để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ra Quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh VOV ba lần trong 03 ngày liên tiếp để thông tin cho chị Đ nội dung vụ án thời gian gia cụ thể có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, chị Đ không có mặt tại phiên tòa và không có lý do chính đáng; nguyên đơn Lê Văn G có đơn xin vắng mặt, trình bày rõ nội dung yêu cầu. HĐXX Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh G

[2]. Về tình cảm: Chị Đ và anh G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện NL, tỉnh NA vào ngày 01 -10 – 2010, tuy nhiên sau thời gian chung sống khoảng 4 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị Đ và anh G sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Lời trình bày của anh Lê Văn G về việc vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân phù hợp với trình bày của ông Nguyễn Văn B, bố đẻ của chị Đ. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay đã khoảng 9 năm, và không có sự trao đổi, qua lại để giải quyết mâu thuẫn, tìm ra tiếng nói chung của vợ chồng. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, chị Đ không có bất kỳ ý kiến, phản hồi nào cho thấy thái độ bỏ mặc hôn nhân giữa anh chị. HĐXX nhận thấy, yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn G là có căn cứ, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho anh Lê Văn G ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Anh G và chị Đ có 03 con chung là cháu: Lê Văn Hồng P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011; Lê Văn H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Văn H T, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013.

Sau khi vợ chồng ly thân, cháu Lê Văn Hồng P và cháu Lê Văn H do anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Lê Văn H T do chị Đ chăm sóc, nuôi

dưỡng. Các con chung của anh G và chị Đ đều đã trên 7 tuổi, theo nguyện vọng cháu Lê Văn Hồng P và cháu Lê Văn H có nguyện vọng được ở với bố Lê Văn G; cháu Lê Văn H T hiện đang ở cùng với chị Đ, hiện không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nên không thể tìm hiểu được nguyện vọng của cháu T. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với điều kiện thực tế, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Lê Văn Hồng P và Lê Văn H cho anh Lê Văn G; giao cháu Lê Văn H T cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn G không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn G là nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sư. Hiện anh G đã nộp đủ.

[6]. Về án phí:

Anh Lê Văn G là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, khỏan 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 , 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn G. Anh Lê Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ

- Về con chung:

Giao con chung Lê Văn Hồng P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011; Lê Văn H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 cho anh Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Giao con chung Lê Văn H T, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí:

Anh Lê Văn G phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh HT theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005382 ngày 09 tháng 3 năm 2023. Tiền án phí anh Lê Văn G đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Anh G;
- Bị đơn: Chị Đ;
- VKS ND huyện K (2 bản);
- VKS ND tỉnh HT;
- Chi cục THADS huyện K;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh HT;
- UBND xã NT, huyện NL, tỉnh NA;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng